

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC BÁN THANH LÝ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ Y TẾ

(Kèm theo Thông báo số /TB-TTHN ngày tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn)

STT	Tên CCDC	Khoa/phòng	Nhãn hiệu/ Modell/ Seri/ Nước SX	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Giá bán chỉ định	Ghi chú
1	Bộ triệt sản nữ	Khoa CSSKSS và PS	BO00025	2019	2019	Bộ	8	1.269.000	10.152.000	8.000	
2	Cân trẻ em 30 kg	Khoa CSSKSS và PS				Cái	1	0	0	10.000	
3	Hộp chữ nhật 22x10x4 cm	Khoa CSSKSS và PS				Cái	20	0	0	20.000	
4	Máy huyết áp cơ	Khoa CSSKSS và PS	MC-20A, Trung Quốc		2025	Cái	2	167.000	334.000	2.000	
5	Xe đẩy dụng cụ (xe rọ)	Khoa CSSKSS và PS				Cái	1	0	0	5.000	
6	Bàn sinh khô	Khoa Ngoại	Việt Nam	2009	2021	Cái	1	0	0	20.000	CCDC nhận từ viện trợ
7	Bảng đo thị lực nhựa	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	1	0	0	1.000	
8	Bẫy cong	Khoa Khám Bệnh			2010	cái	3	0	0	600	
9	Bẫy thẳng	Khoa Khám Bệnh			2020	cái	7	0	0	1.400	
10	Bình phun Hunson	Khoa KSBT	BIN00003		2025	Cái	6	0	0	30.000	
11	Bộ chữ chì	Khoa Xét nghiệm-CDHA			1984	Cái	4	0	0	400	
12	Bộ dụng cụ chích chấp mắt	Khoa Khám Bệnh		2007	2007	Bộ	1	0	0	200	
13	Bộ dụng cụ mổ quặm mắt	Khoa Khám Bệnh		2007	2007	Bộ	1	0	0	200	
14	Bộ lấy cao răng Rackquek(Mỗi bộ 3 cây)	Khoa Khám Bệnh			2008	Bộ	2	0	0	300	
15	Bộ triệt sản nam	Khoa CSSKSS và PS	BO00026	2019	2019	Bộ	16	249.000	3.984.000	16.000	
16	Bơm hút Karman 1 van	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Việt Nam		2018	Cái	1	705.000	705.000	100	
17	Bơm hút Karman 1 van	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Việt Nam		2018	Cái	2	705.000	1.410.000	100	
18	Bơm tiêm nha khoa	Khoa Khám Bệnh			2010	cái	1	0	0	1.000	
19	Bóng đèn hồng ngoại	Khoa YHCT & PHCN	Việt Nam	2023	2023	Cái	6	70.000	420.000	1.800	
20	Cân sức khỏe	Khoa Nội Nhi	Việt Nam	2009	2009	Cái	1	550.000	550.000	2.000	
21	Catset các cỡ + bìa tăng sáng	Khoa Xét nghiệm-CDHA			1984	Cái	10	0	0	10.000	
22	Chén Inox	Khoa Ngoại				Cái	1	0	0	1.000	
23	Cốc inox chia độ có tay 500ml	Khoa Xét nghiệm-CDHA			1984	Cái	1	0	0	1.000	
24	Cốc inox chia độ có tay cầm 500ml	Khoa YHCT & PHCN	Việt Nam	2009	2009	Cái	10		0	10.000	
25	Cối chà Amalgam	Khoa Khám Bệnh			2010	Bộ	1	0	0	2.000	
26	Coless	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	2	0	0	100	
27	Cùm oxy có đồng hồ	Khoa Nội Nhi	Japan	2020	2020	Cái	2	0	0	4.000	
28	Curet cái nạo chấp lẹo	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	1	0	0	100	
29	Dao mổ liền cán	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	1	0	0	100	
30	Dây gắn máy điện châm	Khoa YHCT & PHCN	Việt Nam	2019	2019	Dây	50	50.000	2.500.000	5.000	
31	Đèn hồng ngoại có chân	Khoa YHCT & PHCN	Việt Nam	2009	2009	Cái	3	345.000	1.035.000	1.500	
32	Đèn khám bệnh chân đứng (đèn gù)	Khoa Khám Bệnh		2007	2007	cái	1	0	0	5.000	
33	Đèn soi đáy mắt	Khoa Khám Bệnh		2014	2014	cái	1	2.035.000	2.035.000	2.000	
34	Đèn soi đáy mắt cầm tay BETA	Khoa Khám Bệnh	BETA-200, HEINE/Đức	2010	2010	cái	1	7.479.634	7.479.634	1.000	
35	Đèn soi phim	Khoa Xét nghiệm-CDHA			1984	Cái	1	0	0	1.000	
36	Đèn sưởi ấm	Khoa Ngoại	Halogen 400/800/1200W Số seri: NSB-99Y-RC	2016	2016	Cái	1	1.780.000	1.780.000	2.000	
37	Đèn tử ngoại	Khoa KSBT			01/01/2015	Cái	1	1.380.000	1.380.000	1.000	

38	Đồng hồ oxy cho máy thở	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD			2018	Cái	1	378.000	378.000	1.000	
39	Forceps cầm máu (14.0040.08)	Khoa Khám Bệnh		2015	2015	cái	2	0	0	100	
40	Giá móc dịch truyền	Khoa Xét nghiệm-CDHA			1984	Cái	1	0	0	2.000	
41	Giá treo dịch Inox	Khoa Nội Nhi	Việt Nam	2003	2003	Cái	1	250.000	250.000	10.000	
42	Giường bệnh nhân 90cm	Khoa Nội Nhi	Giường Inox, Việt Nam	2005	2005	Cái	21	0	0	630.000	
43	Hộp cn inox 22*10*5cm	Khoa Khám Bệnh		2011	2011	cái	1	0	0	1.000	
44	Hộp hấp bông F30	Khoa Khám Bệnh		2012	2012	cái	1	0	0	1.000	
45	Hộp hấp bông tròn inox phi 26	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	1	0	0	1.000	
46	Hộp inox 22*10*4cm	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	Cái	1	0	0	1.000	
47	Hộp inox chữ nhật 30*40*4cm	Khoa Khám Bệnh				cái	1	0	0	1.000	
48	Hộp inox có nắp 30*40cm	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	1	0	0	1.000	
49	Hộp Inox đựng bông cotton	Khoa Nội Nhi	Việt Nam	2016	2016	Cái	2	36.000	72.000	2.000	
50	Huyết áp điện tử	Khoa Khám Bệnh	Omron,Japan HEM-7111	2019	2019	Cái	1	1.260.000	1.260.000	1.000	
51	Huyết áp điện tử	Khoa Khám Bệnh	Omron,Japan JPN 600	2021	2021	Cái	1	1.850.000	1.850.000	1.000	
52	Huyết áp điện tử	Khoa Khám Bệnh	Nhật Bản JPN 600	2021	2021	Cái	2	1.850.000	3.700.000	2.000	
53	Huyết áp kế	Khoa YHCT & PHCN	Yamasu, Nhật Bản	2019	2019	Cái	3	483.000	1.449.000	3.000	
54	Huyết áp kế	Khoa YHCT & PHCN	Alpha2, Nhật Bản	2017	2017	Cái	2	325.500	651.000	2.000	
55	Huyết áp người lớn	Khoa CSSKSS và PS	BWELL, Thụy sỹ , SN:122000555 SN:122000407 SN:122000412	2023	2023	Cái	3	350.000	1.050.000	3.000	
56	Huyết áp người lớn	Khoa Khám Bệnh		2011	2011	cái	1	0	0	1.000	
57	Huyết áp người lớn	Khoa Khám Bệnh	odel : MC- 20A,Trung Quốc	2019	2019	Cái	4	286.209	1.144.836	4.000	
58	Huyết áp người lớn	Khoa Khám Bệnh	ALPK2, Nhật Bản	2019	2019	cái	5	286.209	1.431.045	5.000	
59	Huyết áp người lớn	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Med- 61 SN: 122000953, B. Well/ Thụy sỹ		2024	Cái	1	325.500	325.500	1.000	
60	Huyết áp người lớn	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Med- 61 SN: 122000952, B. Well/ Thụy sỹ		2024	Cái	1	325.500	325.500	1.000	
61	Huyết áp người lớn + Ống nghe	Khoa Ngoại	Yamasu SN:849846, Nhật Bản	2019	2019	Bộ	1	475.000	475.000	1.000	
62	Huyết áp nhi	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	489434, Việt Nam		2019	Cái	2	315.000	630.000	2.000	
63	Huyết áp nhi	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	489434, Việt Nam		2019	Cái	2	315.000	630.000	2.000	
64	Huyết áp nhi + ống nghe	Khoa Khám Bệnh	ALPK2,Nhật Bản	2014	2014	Bộ	1	315.000	315.000	1.000	
65	Huyết áp trẻ em	Khoa Nội Nhi	Yamasu;355253, Japan	2019	2019	Cái	1	500.000	500.000	1.000	
66	Huyết áp trẻ em	Khoa Nội Nhi	Yamasu733620, Japan	2019	2019	Cái	1	500.000	500.000	1.000	
67	Kéo các loại	Khoa Ngoại				Cái	16	0	0	16.000	
68	Kéo các loại	Khoa Nội Nhi	Japan	2014	2014	Cái	1	18.000	18.000	1.000	
69	Kéo các loại	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Việt Nam		2008	Cái	10	47.850	478.500	10.000	
70	Kéo các loại	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Việt Nam		2008	Cái	10	47.850	478.500	10.000	
71	Kéo cắt chỉ 10cm	Khoa Ngoại				Cái	5	0	0	5.000	

72	Kéo cong đầu tà Aebli (10.0140.09)	Khoa Khám Bệnh		2015	2015	cái	2	0	0	2.000	
73	Kéo cong+thăng 14cm	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	2	0	0	2.000	
74	Kéo Strabismus cong 11cm (10.0161.11)	Khoa Khám Bệnh		2015	2015	cái	2	0	0	2.000	
75	Kéo Strabismus thăng 11cm(10.0160.11	Khoa Khám Bệnh		2015	2015	cái	2	0	0	2.000	
76	Kẹp chắp lớn	Khoa Khám Bệnh		2014	2014	cái	1	0	0	100	
77	Kẹp chắp trung	Khoa Khám Bệnh		2013	2013	cái	2	0	0	200	
78	Kẹp cơ trực (12.0114.10)	Khoa Khám Bệnh		2015	2015	cái	2	0	0	200	
79	Kẹp lấy dị vật tai	Khoa Khám Bệnh				cái	1	0	0	100	
80	Khay inox các loại	Khoa Xét nghiệm-CDHA			1984	Cái	1	0	0	1.000	
81	Khay Inox chữ nhật	Khoa Nội Nhi	Việt Nam	2015	2015	Cái	2	64.350	128.700	2.000	
82	Khay quả đậu Inox	Khoa Nội Nhi	Việt Nam	2015	2015	Cái	2	54.340	108.680	2.000	
83	Khay quả đậu inox 475ml	Khoa Khám Bệnh		2007	2007	cái	2	0	0	2.000	
84	Kìm kẹp kim khâu	Khoa Ngoại				Cái	1	0	0	100	
85	Kìm nhổ răng các loại	Khoa Khám Bệnh			2010	cái	12	0	0	1.200	
86	Kính lúp treo trán	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	1	0	0	1.000	
87	Máy bơm hơi NK-750	Khoa Khám Bệnh			2015	Cái	1	3.100.000	3.100.000	20.000	
88	Máy điện châm	Khoa YHCT & PHCN	ĐC 0699-021, Việt Nam	2022	2022	Cái	6	420.000	2.520.000	6.000	
89	Máy điện châm	Khoa YHCT & PHCN	0405 JH, Việt Nam	2022	2022	Cái	8	1.850.000	14.800.000	8.000	
90	Máy đo huyết áp bắp tay	Khoa Khám Bệnh	3NZ1-1P S2022-04-081532, Microlife/Trung Quốc	2025	2025	Cái	1	693.000	693.000	1.000	
91	Máy đo huyết áp bắp tay	Khoa Ngoại	3NZ1 -1P; S2022-04-084095, Microlife	2024	2025	Cái	1	693.000	693.000	1.000	
92	Máy đo huyết áp NL	Khoa Ngoại	BWELL, Thụy Sỹ SN: 122000942	2022	2023	Cái	1	325.500	325.500	1.000	
93	Máy đo huyết áp NL	Khoa Ngoại	BWELL, Thụy Sỹ SN: 122000943	2022	2023	Cái	1	325.500	325.500	1.000	
94	Máy đo nồng độ oxy SPO2	Khoa Truyền nhiễm	Nhật Bản, Moldel: A4	2012	2021	Cái	8	0	0	1.600	CCDC nhận từ viện trợ
95	Máy đo nồng độ oxy SPO2	Khoa Truyền nhiễm	Moldel: Ri - foxn. RIESTER 1905 Seri: 05115242 Seri: 05115171	2021	2021	Cái	2	2.900.000	5.800.000	400	
96	Máy đo nồng độ oxy SPO2	Khoa Truyền nhiễm	Model: A4	2021	2021	Cái	1	0	0	200	
97	Máy đo nồng độ oxy SPO2	Khoa Truyền nhiễm	RIESTER/Đức, Moldel: Ri - foxn. Seri: 05115194; Seri: 05115156; Seri: 05115084; Seri: 05115096; Seri: 05115133; Seri: 05115151; Seri: 05115150;Seri: 05115140	2016	2021	Cái	8	2.900.000	23.200.000	1.600	CCDC nhận từ viện trợ
98	Máy đo nồng độ oxy SPO2 xung ngón tay	Khoa Truyền nhiễm	Model: 9590, Nonin/Mỹ	2021	2021	Cái	13	3.500.000	45.500.000	2.600	
99	Máy đo nồng độ oxy SPO2 xung ngón tay	Khoa Truyền nhiễm	Nomin, Mỹ	2021	2021	Cái	1	3.500.000	3.500.000	200	

100	Máy đo Spo2	Khoa CSSKSS và PS	2021G17018195, Trung Quốc		2023	Cái	2		0	400	
101	Máy huyết áp kế đồng hồ người lớn	Khoa Nội Nhi	ALPK2,490333,Japan	2020	2020	Cái	1	483.000	483.000	1.000	
102	Máy huyết áp kế đồng hồ người lớn	Khoa Nội Nhi	ALPK,129281, Japan	2020	2020	Cái	1	483.000	483.000	1.000	
103	Máy huyết áp kế đồng hồ người lớn	Khoa Nội Nhi	ALPK, 508308, Japan	2020	2020	Cái	1	483.000	483.000	1.000	
104	Máy huyết áp kế đồng hồ người lớn	Khoa Nội Nhi	ALPK2, 490333, Japan	2019	2019	Cái	1	483.000	483.000	1.000	
105	Máy huyết áp người lớn	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Việt Nam		2019	Cái	3	475.000	1.425.000	3.000	
106	Máy huyết áp người lớn	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	Việt Nam		2019	Cái	3	475.000	1.425.000	3.000	
107	Máy khí dung	Khoa Nội Nhi	AP-100200 S/N:N0305-04028, Best Ned/Đài Loan	2009	2009	Cái	1	1.250.000	1.250.000	15.000	
108	Máy khí dung	Khoa Nội Nhi	AP-100200 S/N:N0305-06105, Best Ned/Đài Loan	2009	2009	Cái	1	1.250.000	1.250.000	15.000	
109	Máy khí dung	Khoa Nội Nhi	AP-100200 S/N:N0305-06104, Best Ned/Đài Loan	2009	2009	Cái	1	1.250.000	1.250.000	15.000	
110	Máy khí dung	Khoa Nội Nhi	AP-100200 S/N:N0305-04742, Best Ned/Đài Loan	2009	2009	Cái	1	1.250.000	1.250.000	15.000	
111	Máy khí dung	Khoa Nội Nhi	AP-100200 S/N:N0305-04743,Best Ned/Đài Loan	2009	2009	Cái	1	1.250.000	1.250.000	15.000	
112	Máy khí dung	Khoa Nội Nhi	TL200 S/N:VT0917100450, Japan	2018	2018	Cái	1	1.500.000	1.500.000	15.000	
113	Máy khuấy từ gia nhiệt	Khoa KSBT		2009	2009	Cái	1	2.170.000	2.170.000	5.000	
114	Máy thở PP560; Seri:6F0053 (DA tay chân miệng -Khoa HSCC)	Khoa Cấp cứu- HSTC&CD	PB 560, Medtronic/Ireland S/N: 40966F0653	2012	2012	cái	1	9.000.000	9.000.000	20.000	
115	Mỏ vệt mở mũi các loại	Khoa Khám Bệnh				cái	1	0	0	1.000	
116	Móc mi dưới	Khoa Khám Bệnh		2001	2001	cái	2	0	0	200	
117	Nạo chấp trung	Khoa Khám Bệnh		2013	2013	cái	3	0	0	200	
118	Nhiệt ẩm kế	TYT Tam Quan (Hoài Châu cũ)	STH0000449, Việt Nam	2023	2023	Cái	1	1.775.000	1.775.000	1.000	
119	Nhiệt ẩm kế	TYT Hoài Nhơn Bắc CS2 (TQB cũ)	STH0000349, Việt Nam	2023	2023	Cái	1	1.775.000	1.775.000	1.000	
120	Nhiệt kế điện tử	Khoa Nội Nhi	Microlife,Moldel: AG-9443;Seri: 1715319	2021	2021	Cái	1	950.000	950.000	1.000	
121	Nhiệt kế điện tử	Khoa Nội Nhi	Microlife,Moldel: AG-9443; Seri: 1715098	2021	2021	Cái	1	950.000	950.000	1.000	
122	Nhiệt kế điện tử	Khoa Nội Nhi	Microlife, Moldel: AG-9443;Seri: 1709713	2021	2021	Cái	1	950.000	950.000	1.000	
123	Nhiệt kế điện tử	Khoa Nội Nhi	Microlife, Moldel: AG-9443; Seri: 1710293	2021	2021	Cái	1	950.000	950.000	1.000	
124	Nhiệt kế điện tử	Khoa Nội Nhi	Microlife, Moldel: AG-9443; Seri: 1715306	2021	2021	Cái	1	950.000	950.000	1.000	
125	Nhiệt kế điện tử đo trán	Khoa Truyền nhiễm	SFT77, Sanitas	2021	2021	Cái	6	2.268.000	13.608.000	6.000	

[illegible]